

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC MẠC ĐÌNH CHI

Chương: 622

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÍ 03 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu	1.638.298	1.638.298
I	Tổng số thu	1.638.298	1.638.298
1,00	Thu phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	-	-
2,00	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ - Thu hồi tiền căn tin (Đó chỉ năm 2021)	-	-
3,00	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4,00	Thu sự nghiệp khác - Thu KPCSSKBĐ	1.638.298	1.638.298
	- Thu khác (lãi TK tiền gửi)	-	-
	- Thu khác (lãi TK tiền gửi)	47.843	47.843
	- Hoa hồng BHYT HS	1.590.455	1.590.455
II	Số thu nộp NSNN		
1,00	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2,00	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3,00	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ	1.638.298	1.638.298
1,00	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	-	-
2,00	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ - Thu hồi tiền căn tin (Đó chỉ năm 2021)	-	-
3,00	Thu viện trợ		
4,00	Hoạt động sự nghiệp khác - Thu KPCSSKBĐ	1.638.298	1.638.298
	- Thu khác (lãi TK tiền gửi)	-	-
	- Thu khác (lãi TK tiền gửi)	47.843	47.843
	- Hoa hồng BHYT HS	1.590.455	1.590.455
	(Chi tiết theo từng loại thu)		

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
B	Chi ngân sách nhà nước	1.361.640.277	1.361.640.277
1,00	Loại, khoản 072		
	- Mục: 6000	693.342.600	693.342.600
	6.001	230.673.000	230.673.000
	6.003	437.709.600	437.709.600
	6.051	24.960.000	24.960.000
	- Mục: 6100	345.822.895	345.822.895
	6.101	13.770.000	13.770.000
	6.105	7.694.039	7.694.039
	6.107	4.534.241	4.534.241
	6.112	221.114.460	221.114.460
	6.113	2.160.000	2.160.000
	6.115	96.550.155	96.550.155
	- Mục: 6150	-	-
	6.157		
	- Mục: 6200	-	-
	6.201	-	-
	- Mục: 6250	-	-
	6.252	-	-
	6.299	-	-
	- Mục: 6300	189.208.042	189.208.042
	6.301	141.245.476	141.245.476
	6.302	24.213.509	24.213.509
	6.303	16.142.341	16.142.341
	6.304	7.606.716	7.606.716
	- Mục: 6400	-	-
	6404		
	6.449		
	- Mục: 6500	4.344.799	4.344.799
	6.501	2.927.999	2.927.999
	6.502	1.416.800	1.416.800
	6.504	-	-
	- Mục: 6550	48.749.000	48.749.000
	6.551	4.444.000	4.444.000
	6.552	37.780.000	37.780.000
	6.553	-	-

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	6.599	6.525.000	6.525.000
	- Mục: 6600	2.488.941	2.488.941
	6.601	214.141	214.141
	6.605	1.794.000	1.794.000
	6.608	480.800	480.800
	- Mục: 6700	5.280.000	5.280.000
	6.701	1.780.000	1.780.000
	6.702	2.100.000	2.100.000
	6.703	1.400.000	1.400.000
	6.704	-	-
	- Mục: 6750	14.560.000	14.560.000
	6751	-	-
	6757	-	-
	6.758	14.260.000	14.260.000
	6.799	300.000	300.000
	- Mục: 6900	5.600.000	5.600.000
	6.905		-
	6.907		-
	6.912	5.600.000	5.600.000
	6.921	-	-
	6.949	-	-
	- Mục: 7000	52.244.000	52.244.000
	7.001	44.332.000	44.332.000
	7.004	-	-
	7.049	7.912.000	7.912.000
	7.053	-	-
	- Mục: 7750	-	-
	7.766		
	7.757		
	7.761		
	7.799		
	- Mục 8000	-	-
	8.049		
C	Quyết toán chi nguồn khác	-	-
	- Mục: 6440	-	-
	6.449		

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	- Mục: 7000	-	-
7.049			
	- Mục: 7700	-	-
7.799			

Ngày 3. tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Huỳnh Bửu Đông